

Chuyện Ngày Xưa

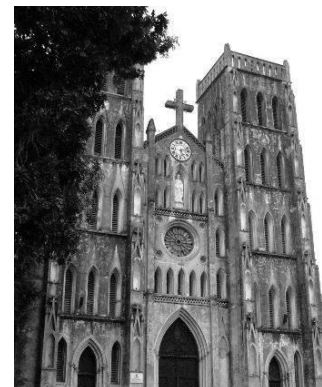
Nguyễn Huy Tiên



Thế là đã 50 năm tôi rời ghế trường trung học. Một nửa thế kỷ trôi qua với bao nhiêu thay đổi, thăng trầm. Thế sự xoay vần đã may mắn đưa tôi đến định cư ở Mỹ, cách xa quê hương Việt Nam cả một nửa vòng trái đất. Trong cái thay đổi, mất mát không còn nữa tôi mới thấy nhớ, thấy thiếu, và thấy trân quý cái cảnh cũ, người xưa, những tiếng nói và những kỷ niệm quý báu của thời niên thiếu, thời còn đi học ngày xưa với thầy, với bạn ở trường trung học Chu Văn An Hà Nội và Sài Gòn.

Năm 1952 lúc bố tôi dời về làm ở Phủ Thủ Hiến thì gia đình tôi về Hà Nội và tôi sửa soạn thi vào lớp đệ thất trường trung học Chu Văn An. Tôi xa rời cái trường tiểu học nhỏ bé êm đềm Nguyễn Văn Ngọc ở thị xã Hà Đông với những hàng cây phượng vĩ trong sân trường cho đầy hoa đỏ rực rỡ và bóng mát về mùa hạ. Tôi nhớ đến cái làng Cầu Đor ở thị xã có bến xe Ba La Bông Đỏ ở cuối tỉnh và hai cây cầu bắc ngang sông Nhuệ ở đầu tỉnh. Bến tàu điện đi Hà Nội cũng ở đây. Tàu điện này đã nhiều lần đưa tôi đi Bờ Hồ Hà Nội. Lần nào ở trên tàu tôi cũng nghe tiếng mời chào ngọt ngào, khéo léo của các cô hàng đội thúng mẹt đầy xôi, bánh dầy, bánh giò, chả lụa và chả quế thơm phức ở bến tàu đợi (croisement) nằm ở

khúc nửa đường đến Hà Nội. Trên lộ trình này tôi đã đi qua những địa danh có tiếng của Hà Nội. Trước hết là khu phố Khâm Thiên nơi nổi tiếng vì có cô đầu ngày xưa, rồi gò Đống Đa di tích nơi vua Quang Trung đại phá quân Thanh. Tàu đòi hương ở gần Quốc Tử Giám để vào phố Hàng Gai và Hàng Bông trước khi tới Bờ Hồ. Tôi đi qua cái bảng hiệu của nhà trồng răng Minh Sinh. Gần đó là phố dẫn đến chợ Hàng Da và phố Hàng Bông Thọ Ruộm. Tại Bờ Hồ, có lần tôi đòi tàu đi Chợ Hôm để thăm ông Bác ở ngõ Tràng An và có lần đòi tàu đi chợ Đồng Xuân qua phố Hàng Đào, Hàng Ngang và Hàng Đường. Hàng Đường có ô mai và chợ Đồng Xuân còn nhắc tôi đến món bún chả và quà vặt. Tôi đòi qua xe tay để đến trường Chu Văn An ở phố Cửa Bắc hoặc đi vườn Bách Thảo, Hồ Tây, đường Cổ Ngư và Nghi Tàm.



Nhà Thờ Lớn Hà Nội

Trường Dũng Lạc nằm phía bên trái của nhà thờ, rất nhiều CVA-59 đã học hè ở trường này.

(Ghi chú của Ban Biên Tập)

Ở Hà Nội tôi đi học trường Dũng Lạc một thời gian để sửa soạn thi vào đệ thất. Tôi chọn thi vào trường Chu Văn An thay vì trường Nguyễn Trãi có lẽ cũng vì trường này gần nhà tôi hơn. Trước hết tôi ở phố Bùi Viện mà một đầu có vườn hoa Hàng Đậu và phía đầu kia là trường tiểu học hàng Than. Từ Bùi Viện đi bộ đến trường Chu Văn An rất gần. Phố Bùi Viện đã bị đổi tên rất sớm, chắc là ở lúc Việt Minh và cộng sản vào Hà Nội. Về sau nhà tôi dọn đến phố Hàng Rươi rồi

phố Đường Thành. Cả hai phố này đều gần trường Chu Văn An. Khi ở phố Hàng Rươi, tôi thường đi bộ qua phố Hàng Cốt để cùng đi với anh bạn tên Đình Vỹ để cùng đến trường. Chúng tôi thường đi sớm, vừa đi vừa chơi dọc theo vườn hoa và bao giờ cũng cố tránh đến gần bốp cảnh binh Hàng Đậu vì bóng giáng của người lính gác có súng ở cổng. Có hôm mãi chơi, la cà dọc đường nên chúng tôi đã phải ba chân bốn cẳng chạy cho cố để đến trước khi trống báo hiệu đóng cổng trường. Nếu cổng trường đóng rồi thì chắc chắn là bị phạt công-si vì lý do đến trường muộn. Tôi mất liên lạc với bạn Vỹ khi di cư vào Nam và bây giờ cũng không biết bạn ở nơi nào.

Tôi chọn thi vào ban sinh ngữ Anh văn thay vì ban cổ ngữ Hán văn vì kinh nghiệm khi trước lúc tản cư ở làng quê tôi đã chán ngấy cuốn Tam Tự Kinh. Ngày đi coi bảng thật là hồi hộp vì tôi cũng không chắc các bài thi tôi làm được hoàn hảo, nhất là bài thi Toán bao giờ cũng khó, lắt léo và hắc búa. Ngoài ra số học sinh thi vào ban Anh văn cũng đông hơn và nhiều học trò giỏi và vì thế có nhiều cạnh tranh. Tuy nhiên cũng có một an ủi là nhà trường lấy nhiều lớp hơn cho ban Anh văn. Ngày tuyên bố kết quả kỳ thi tuyển cũng tới. Một bảng danh sách ghi tên những học sinh trúng tuyển được niêm yết trên một bảng đóng vào thân cây trong sân trường. Hôm đó là một ngày may mắn, tôi đã đậu vào lớp đệ thất trường Chu Văn An. Nhìn lên, tôi thấy cái cao ốc ba tầng xây theo kiểu Tây trông đẹp để làm sao.

Hồi đó tôi thích học tiếng Anh vì tôi mê xem phim cao bồi, có đoàn trâu rừng dữ tợn và có người da đỏ cười ngựa bắn súng lồng trong cái khung cảnh bao la, hùng vĩ của miền Viễn Tây và Tây nước Mỹ. Hơn thế nữa, tôi lại có dịp sớm được tiếp xúc với văn hóa Mỹ qua thư viện Mỹ ở Hà Nội. Có một mùa hè tôi đi học luyện thi ở trường Dũng Lạc ngay ở bên hông nhà thờ lớn Hà Nội và một cơ duyên nào đó thư viện Mỹ lại tọa lạc ở góc đường Hàng Trống và phố Nhà Thờ. Tôi nhớ phố Hàng Trống không phải vì bán trống là vì phố này có tiếng là may quần áo Tây rất khéo. Nhiều người ở Hà Nội đặt may complet ở phố Hàng Trống nổi tiếng này. Tôi

thường đến trường sớm để ghé vào thư viện đọc báo nhật trình, đọc tạp chí như báo Time, báo Life với những hình ảnh nghệ thuật đẹp vô cùng. Rồi chung quanh tường đầy những quyển sách dày bìa cứng, gáy mạ vàng để trên các kệ sách đắt tiền. Cái máy lạnh cho hơi thật mát làm xoa dịu những ngày hè oi bức ở Hà Nội. Vì ghé thư viện này mà tôi đã mộng mơ có ngày được sang Mỹ đi du học.

Tôi có một kỷ niệm khó quên ở thư viện này vì tôi đã phải trả một cái giá rất đắt. Bố tôi cho một cái xe đạp nhập cảng từ Pháp rất tốt và đắt tiền. Hồi đó chiếc xe đạp là vật quý giá nhất. Tôi dùng nó để đi học mỗi ngày, tôi đi bát phố, đi cinema và đi chơi với bạn và thăm bạn. Thế mà tôi bị mất xe đạp đậu ở thư viện Mỹ. Hôm đó vì không định ở thư viện lâu nên tôi không khóa xe và vì nghĩ sẽ chỉ đậu trong ba hay năm phút. Tôi đã lầm, xe tôi đã bị mất cắp trong thời gian ngắn ngủi đó. Tôi tiếc hùi hụi.

Khi di cư vào Nam, tôi cũng tìm đến thư viện Mỹ. Ở đây cái máy lạnh cũng thật mát nhất là khi tôi bước vào từ đường Hai Bà Trưng nóng bỏng. Tôi đến đây nhiều lần và từ đó biết đến các cuốn sách bán chạy nhất (best sellers). Cuốn sách Profile in Courage của Thượng Nghị sĩ John F Kennedy cũng được trưng bày ở đây hồi đó.

Những kỷ niệm với các thầy ở trường Chu Văn An Hà Nội thì tôi quên nhiều. Có thể vì tôi là lính tò te và ở trong một khung cảnh mới nên rất khép nép và lo chăm chỉ học hành. Người mà tôi sợ nhất lúc bấy giờ lại là thầy giám học Vũ Đức Thận chứ không phải là thầy hiệu trưởng Vũ Ngô Sán hay thầy Tổng giám thị Nguyễn Hữu Lăng. Thầy giảng người nhỏ bé, rất nghiêm nghị. Tôi gặp thầy thường là ở buổi chào cờ buổi sáng ở sân trường và tôi len lén nhìn thầy ở lúc xếp hàng trong sân và lúc xếp hàng đi vào lớp. Tôi sợ thầy có lẽ vì những lời rí tai, đồn đại tôi nghe được qua bạn bè là thầy hay phạt học trò công-si. Thời buổi này tôi đề ý đến sắc diện bề ngoài và quần áo các thầy mặc. Hồi đó khi đi học tôi phải đề ý sao cho quần áo mình mặc phải cho thơm tất sạch sẽ. Cứ mỗi hai hay ba tuần tôi phải dùng nước pha bột để đánh cho cái

mũ thật trắng. Về sau này ở trong Nam cái mũ này gọi là nón cối và vật liệu làm nón bằng cối cũng thay đổi. Tôi đi giày săng đan hay giày bata có phết bột trắng trông cho keng. Tôi cũng phải thủ một lọ brillantine để làm cho bộ tóc đen thêm bóng loáng. Nhưng tôi vẫn kỵ để tóc tét. Tôi nhận xét có hai thầy lúc nào cũng ăn mặc complet gọn gàng, đeo kính trắng gọng vàng trông rất là sang là thầy Lê Trung Nhiên giầy Anh văn và thầy Bính (tôi quên họ) giầy môn Toán. Thầy Bính rất tốt với tôi với những lời khuyên khích mà sau này tôi cố học chăm chỉ về toán để lọt qua các kỳ thi khó khăn. Thầy Bính ở lại Hà Nội không di cư, còn thầy Nhiên sau này vào Sài Gòn và hình như thầy chỉ giầy Pháp văn mà thôi.

Vào Sài Gòn vì không muốn đi học nhờ buổi trưa ở trường tiểu học Trương Minh Ký dành cho học sinh di cư nên tôi đã nộp đơn ghi học lớp đệ ngũ ở trường Hồ Ngọc Cẩn trong khuôn viên nhà thờ Huyện Sĩ và tôi được học buổi sáng. Tôi được học thầy Nguyễn Tá dạy Toán ở đây và được biết hỏi trước thầy dạy ở trường Nguyễn Trãi Hà Nội. Thầy dạy rất giỏi nhờ vậy tôi được thêm ít căn bản về Toán. Tôi cũng gặp thầy Thiên Phụng dạy tôi môn Nhạc Lý ở Chu văn An Hà Nội năm xưa. Đến năm Đệ Tam có lẽ vì đậu trung học đệ nhất cấp có hạng nên tôi xin sang được trường Chu văn An ở gần nhà. Trường Hồ Ngọc Cẩn năm ấy tiếp thu được một cơ sở mới và dọn sang Gia Định.

Niên khóa 1956-1957 nhà trường xếp tôi vào học lớp đệ tam (3B1). Vì là ma mới nên tôi thường ngồi ở dãy bàn cuối lớp. Rồi quen đi tôi vẫn chọn ngồi ở cuối lớp năm đệ nhị. Những người bạn mới ngồi cùng bàn với tôi có Từ Bộ Châu, Bùi Hùng Khoát, Nguyễn Văn Trò và xa xa là Nguyễn Quốc An, Nguyễn Văn Lãng. Ngồi bàn trên có Đặng Trần Dũng, Quán Tú Anh, Lê Vĩnh Bảo và Lê Nhân Ảnh. Năm đệ nhị, tôi còn nhớ có Nguyễn Sĩ Long mà tôi có nhiều dịp trao đổi sách lúc học thi Tú Tài 1 và Nguyễn Hữu Chung một học sinh người miền Nam sau này làm dân biểu. Ở cuối lớp nơi có biệt danh là khu nhà lá, xa mặt trời nên chúng tôi dễ xì xào bàn bạc nhưng nhiều khi cũng bị các thầy để ý nhiều hơn. Sau này

khi tôi chọn ngồi ở trên thì tôi chăm chú hơn đến các bài giảng dạy của các thầy. Cũng vì vậy khi đi xem kịch hay xem hát tôi thường mua vé để được ngồi gần sân khấu. Các cơ quan thị giác, thính giác ít bị ảnh hưởng và chia phối bởi ngoại cảnh và tiếng động ở chung quanh.

Ngay ở buổi đầu của lớp Toán với thầy Đào Văn Dương tôi đã cảm phục về trí nhớ của thầy. Với kinh nghiệm dạy Toán lâu năm, thầy đã có thể đọc thuộc lòng mục lục các đề tài sẽ giảng dạy trong niên khóa. Lý do khác có thể là vì thầy là tác giả cuốn sách giáo khoa này. Tôi thích cái mực thước giảng dạy theo sư phạm không thừa, không thiếu của thầy. Với giọng nói mạnh mẽ và hấp dẫn nên tuy ngồi ở cuối lớp nhưng tôi cũng nghe và theo được các lời giảng dạy của thầy.

Vị giáo sư khác tôi nhớ là giáo sư Vũ Khắc Khoan dạy môn Sử. Nhìn thầy, tôi thấy toát ra cái phong cách của một nhà lãnh đạo cách mạng với đôi mắt sáng và giảng đi hiên ngang, Thầy cũng hay đi xích-lô làm phương tiện di chuyển đến dạy học. Lúc diễn giảng, thầy nói say sưa, dõng dạc làm thu hút người nghe và cũng làm môn Sử học bớt tẻ nhạt. Tôi nhớ một lần thầy phải ngừng diễn giảng vì có tiếng ào ào ở dãy bàn cuối lớp. Thầy chỉ anh N Q An đứng lên và hỏi anh bàn tán chuyện gì. Anh An lí nhí trả lời với giọng nói miền Trung. Thầy hỏi anh năm nay bao nhiêu tuổi. Anh thưa 16. Trong khi tôi đang suy nghĩ về câu hỏi này thì tiếp theo thầy cho cả lớp biết là lúc vua Hàm Nghi tham gia phong trào Cần Vương chống Pháp và bị bắt vào năm vua 16 tuổi, ở cái tuổi của chúng tôi bây giờ. Tôi cảm mến cái ý móc nối so sánh của thầy và tôi rất hãnh diện có thầy dạy chúng tôi môn Sử. Quan niệm học môn Sử đối với tôi từ đó đã đổi và là môn học làm người, môn học làm ta biết và yêu thương nước.

Niên khóa 1957-1958 tôi ở lớp đệ nhị (2B1). Vào buổi chiều tôi thường thấy có đại tá chỉ huy trưởng không quân Nguyễn Xuân Vinh, tốt nghiệp Cao Học Toán ở Pháp đến dạy. Thầy không dạy lớp tôi nhưng tôi thấy thầy ngồi trên chiếc xe đen bóng loáng có tài xế quân nhân đưa đón đến trường. Hồi đó chúng tôi phải học thêm môn Quân Sự Học

Đường và đây là thời gian học chơi chơi. Nhưng có một chuyện bất ngờ đến với nhóm học sinh Quân Sự Học Đường là cả lớp được đi nghe diễn giảng của thầy ở trong căn cứ không quân Tân Sơn Nhất. Tôi không biết do sự sắp xếp nào mà một buổi trưa có đoàn xe GMC của không quân đến đón chúng tôi ở trường. Điều làm tôi thích thú là cái đề tài của bài giảng nghe thật hấp dẫn mang tên là “Một Vài Hàm Số Trong Truyện Kiều”. Tôi thấy đề dài rất kêu và chờ đợi được nghe. Tôi cũng nghĩ là chỉ có thầy mới làm được chuyện kết nối giữa một áng văn chương tuyệt tác và toán học, môn sở trường của thầy. Tiếc thay hôm đó vì ngồi ở cuối giảng đường và khá xa bục giảng nên tôi cũng không lãnh hội được nhiều. Vì xếp hàng theo kiêu nhà binh khi đi vào ngồi nghe nên chúng tôi không được chọn lựa chỗ ngồi. Ước gì thầy còn giữ được bài viết này.

Tôi rất quý mến thầy Nguyễn Văn Lộc dạy môn Anh văn và được biết thầy đã dạy môn này từ nhiều năm ở trường Nguyễn Trãi Hà Nội. Qua lời giảng dạy, tôi thấy thầy thông suốt về văn học và văn chương Anh quốc. Thầy thường đọc và giảng các bài trong cuốn L'Anglais Vivant viết từ bên Pháp. Nhưng tôi chỉ thích nghe thầy nói chuyện về cái cầu sông Thames và về những lâu đài, dinh thự của vua chúa ở Luân Đôn và vùng phụ cận. Thầy dạy nói tiếng Anh bằng cách chỉ dẫn cho chúng tôi chỗ cần nhấn mạnh ở mỗi chữ để cho người nghe hiểu. Thầy thân thiện với học trò và thường gọi chúng tôi là các cậu, một từ ngữ mà tôi ít dùng với bạn bè khi di cư vào Nam. Tôi còn nhớ đến cuốn truyện She Stoops To Conquer mà thầy Lộc chỉ cho đọc thêm và thích thú về chuyện anh chàng nhất gái, thiếu tự tin. Thì ra dù ở Âu hay Á chuyện như vậy có xảy ra.

Niên khóa 1958-1959 tôi học lớp đệ nhất (1B1) và được thầy Hoàng Cơ Nghị dạy môn Vật Lý. Tôi biết thầy tốt nghiệp thạc sĩ ở Pháp và có rất nhiều kinh nghiệm vì đã dạy môn này lâu năm ở trường Chu văn An. Thầy có in sách giáo khoa môn vật lý để giảng dạy. Tôi còn nhớ thầy nhấn mạnh dùng chữ nọ tính mà thầy cho là sát nghĩa hơn thay vì dùng chữ quán

tính đang được dùng trong các sách giáo khoa lúc bấy giờ. Lúc diễn giảng thầy thường đi tới lui trước lớp. Để dẫn giảng hiện tượng cộng-hưởng, thầy đưa ra thí dụ mà bây giờ tôi còn nhớ. Đại khái thầy kể chuyện trong thế chiến, có đoàn quân Đức xếp hàng bước cùng một nhịp qua một cây cầu và làm cây cầu bị sụp. Câu chuyện không biết có thực không, nhưng tôi hiểu hiện tượng cộng-hưởng từ đó. Thầy còn kể chuyện về những người dân Tây Tạng đi tị nạn ở Thụy Sĩ, với cuộc sống vất vả khác với phong tục, tập quán của họ. Tôi không mấy may để ý đến chuyện này thế mà mười lăm hai chục năm sau, một số người Việt như tôi cũng phải chịu chung cái số phận xa lìa quê hương đi tị nạn.

Tôi còn biết ơn nhiều thầy khác như thầy Bùi Đình Tấn dạy Địa Lý làm tôi say mê biết đến các miền khí hậu trên thế giới. Tôi còn nhớ thầy nói về khí hậu California cũng giống khí hậu của miền Địa Trung Hải. Tôi thậm ước có ngày được thăm viếng và an hưởng cái khí hậu đặc biệt của nơi này. Tiếp nữa tôi có thầy Nguyễn Văn Phong rất nghiêm nghị dạy môn Toán, thầy Quỳnh với những hình vẽ màu sắc bay bướm của môn Vạn Vật, thầy Trần Văn Mại rất đạo mạo dạy môn Pháp văn và thầy Đặng Văn Nhân thật hiền, một giáo sư công chức dạy môn Thiên văn. Các thầy trẻ hơn dạy rất hăng hái, nhiệt thành và làm học sinh dễ thấu hiểu môn học như thầy Trần Trọng San dạy môn Triết và thầy Phan Huy Tùng dạy môn Lý Hóa Học.

Tôi rất tiếc đã quên tên một số lớn các thầy khác ở đây kể cả các thầy giám thị đã nhọc lòng vất vả với cái nhóm học trò nghịch ngợm, quỉ sứ chúng tôi. Xin ghi ơn các thầy. Một chữ nên thầy, một ngày nên nghĩa là cái phương châm tôi tâm niệm.

Ở thời điểm này điều vui mừng và may mắn là tôi còn nhớ để ghi ra đây và chia sẻ những kỷ niệm đẹp này với đồng môn vì không biết mai này tôi còn nhớ được bao nhiêu. Tôi cũng biết rằng thời gian, sức khỏe và tuổi tác là những yếu tố làm ta quên đi rất nhiều. Điều vui kế tiếp là khi nghĩ và viết đến hay đọc các chuyện kể hay ký ức của các bạn đồng lứa tuổi cùng

trường thì tôi có cảm tưởng như mình đang xem lại những đoạn phim ngắn, quý giá luôn tạo ra cái cảm giác nhẹ nhàng thoải mái và sung sướng. Tôi luôn luôn trân quý và ghi ơn bố mẹ tôi, những ân nhân của tôi, các ông thầy, các bạn, các người tôi quen biết hay không quen biết đã hy sinh, giúp đỡ, săn sóc tôi mặc dù đôi khi họ không phải người ruột thịt./.

Nguyễn Huy Tiên

Sacramento, CA. 05/2009



*Nguyễn Huy Tiên – Bangkok 1974
Thành Viên Ủy Ban Sông Mekong
(Ghi chú của Ban Biên Tập)*

Chuyện cười: Một anh chàng có vợ mới sinh. Anh viết thư về khoe với mẹ: "Vợ con đã sinh một đứa con trai, nhưng vì vợ con không có sữa nên đã phải nhờ một bà da đen cho bú, vì thế nên khi con gặp thì thấy đứa bé có tóc xoăn và da đen như người châu Phi ...".

Bà mẹ ngay lập tức viết thư cho con trai: "Con trai yêu quý, mẹ rất mừng khi nhận được thư con. Ngày xưa khi mẹ sinh con mẹ cũng không có sữa nên đã phải cho con bú sữa bò, vì thế nên bây giờ con vừa ngu, vừa có sừng ...

(Ban Biên Tập lượm lặt)